

ĐIỀU CHỈNH HỢP ĐỒNG KHI HOÀN CẢNH THAY ĐỔI CƠ BẢN THEO ĐIỀU 420 BỘ LUẬT DÂN SỰ: KHOẢNG TRỐNG PHÁP LÝ VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN

NGÔ VĂN ĐẠO

Trường Cao đẳng Công nghệ cao Đồng An TP. Hồ Chí Minh

Dong An High-Tech College, Ho Chi Minh City

Email: ngovandao@dongan.edu.vn

Ngày nhận bài: 24/6/2026

Ngày sửa bài: 8/7/2026

Ngày duyệt đăng bài: 27/7/2026

Tóm tắt:

Điều chỉnh hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản là cơ chế được áp dụng khi hợp đồng vẫn có thể thực hiện nhưng việc tiếp tục thực hiện theo nội dung ban đầu gây bất lợi nghiêm trọng cho một bên do sự thay đổi khách quan và không thể lường trước. Điều 420 Bộ luật Dân sự năm 2015 ghi nhận cơ chế này, cho phép bên bị ảnh hưởng yêu cầu đàm phán lại và, trong trường hợp cần thiết, yêu cầu Tòa án sửa đổi hoặc chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên, quy định còn chưa rõ về tiêu chí xác định hoàn cảnh thay đổi cơ bản, ranh giới với bất khả kháng, nghĩa vụ thương lượng lại, phân bổ rủi ro và giới hạn can thiệp của Tòa án. Bằng phương pháp phân tích, so sánh pháp luật và liên hệ thực tiễn, bài viết đối chiếu Điều 420 với Bộ nguyên tắc UNIDROIT, pháp luật Đức và pháp luật Pháp; đề xuất lấy phân bổ rủi ro làm trọng tâm, xác lập nghĩa vụ thương lượng và giới hạn quyền sửa đổi hợp đồng của Tòa án.

Từ khóa: hoàn cảnh thay đổi cơ bản, điều chỉnh hợp đồng, Điều 420 Bộ luật Dân sự, phân bổ rủi ro, thương lượng lại hợp đồng

Contract adjustment due to a fundamental change of circumstances under Article 420 of the Civil Code: Legal gaps and directions for reform

Abstract:

Contract adjustment due to a fundamental change of circumstances applies when performance remains possible but continuing under the original terms would impose severe hardship on one party because of objective and unforeseeable changes. Article 420 of Vietnam's 2015 Civil Code recognizes this mechanism by allowing the affected party to request renegotiation and, where necessary, judicial modification or termination of the contract. However, several issues remain unclear, including the criteria for determining a fundamental change of circumstances, its distinction from force majeure, the duty to renegotiate, risk allocation, and limits on judicial intervention. Through legal analysis and comparison with the UNIDROIT Principles and German and French law, the study recommends making contractual risk allocation central to the mechanism, formalizing the duty to renegotiate, and restricting judicial modification to necessary circumstances.

Keywords: fundamental change of circumstances, contract adjustment, Article 420 of the Civil Code, risk allocation, contract renegotiation

1. Đặt vấn đề

Trong pháp luật hợp đồng, nguyên tắc pacta sunt servanda là nền tảng bảo đảm tính ổn định, an toàn pháp lý và khả năng dự đoán của các giao dịch dân sự, thương mại. Theo nguyên tắc này, hợp đồng được giao kết hợp pháp có giá trị ràng buộc đối với các bên và phải được thực hiện thiện chí, trừ trường hợp pháp luật hoặc chính các bên cho phép sửa đổi hoặc chấm dứt trong những điều kiện nhất định (McKendrick, 2020; Treitel, 2015; Zimmermann, 1996). Tuy nhiên, thực tiễn những năm gần đây cho thấy, nhiều biến động khách quan như đại dịch COVID-19, xung đột địa chính trị, lạm phát, đứt gãy chuỗi cung ứng và biến động mạnh của giá nguyên liệu đã làm thay đổi đáng kể điều kiện thực hiện nhiều hợp đồng, đặt ra yêu cầu phải dung hòa giữa nguyên tắc tôn trọng cam kết và yêu cầu bảo đảm công bằng trong quan hệ hợp đồng (UNIDROIT, 2016).

Đáp ứng yêu cầu đó, Điều 420 Bộ luật Dân sự năm 2015 lần đầu tiên ghi nhận cơ chế điều chỉnh hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản, cho phép bên bị ảnh hưởng yêu cầu thương lượng lại và, trong trường hợp nhất định, yêu cầu Tòa án sửa đổi hoặc chấm dứt hợp đồng (Quốc hội, 2015). Đây là bước tiến quan trọng trong quá trình hiện đại hóa pháp luật hợp đồng của Việt Nam và tiệm cận với xu hướng lập pháp quốc tế. Tuy nhiên, sau gần 10 thi hành, việc áp dụng Điều 420 vẫn gặp nhiều khó khăn do các tiêu chí như “không thể lường trước”, “thay đổi lớn”, “thiệt hại nghiêm trọng” hay “mọi biện pháp cần thiết” chưa được giải thích thống nhất; ranh giới giữa hoàn cảnh thay đổi cơ bản và bất khả kháng còn chưa rõ; nghĩa vụ thương lượng lại, nguyên tắc phân bổ rủi ro và giới hạn quyền can thiệp của Tòa án cũng chưa được quy định đầy đủ. Thực tiễn xét xử đến nay cũng chưa hình thành án lệ áp dụng trực tiếp Điều 420, dẫn đến cách hiểu và áp dụng chưa thống nhất.

Trong khi đã có nhiều nghiên cứu về học thuyết hardship hoặc phân tích Điều 420 dưới góc độ điều kiện áp dụng, vẫn còn thiếu các nghiên cứu tiếp cận toàn diện từ góc nhìn phân bổ rủi ro hợp đồng, kết hợp với kinh nghiệm của Bộ nguyên tắc UNIDROIT, pháp luật Đức và pháp luật Pháp để đề xuất cơ chế vận hành phù hợp với điều kiện Việt Nam. Xuất phát từ khoảng trống đó, bài viết tập trung làm rõ bản chất pháp lý của cơ chế điều chỉnh hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản, phân tích những bất cập trong quy định hiện hành và thực tiễn áp dụng, đồng thời đề xuất hoàn thiện Điều 420 theo hướng xác lập nghĩa vụ thương lượng lại trên nguyên tắc thiện chí, lấy phân bổ rủi ro làm cơ sở xác định điều kiện áp dụng và giới hạn quyền sửa đổi hợp đồng của Tòa án trong phạm vi cần thiết. Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung cơ sở lý luận và cung cấp luận cứ cho việc hoàn thiện pháp luật hợp đồng ở Việt Nam.

2. Cơ sở lý luận của cơ chế điều chỉnh hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản

Trong lý luận pháp luật hợp đồng, nguyên tắc pacta sunt servanda (hợp đồng phải được tôn trọng) luôn được xem là nền tảng bảo đảm sự ổn định và khả năng dự đoán của giao lưu dân sự. Tuy nhiên, nguyên tắc này không mang tính tuyệt đối mà được cân bằng với các cơ chế ngoại lệ nhằm bảo đảm công bằng hợp đồng trong những trường hợp đặc biệt, trong đó có chế định hoàn cảnh thay đổi cơ bản (Nguyễn Văn Cừ & Trần Thị Huệ (chủ biên), 2017).

Trên cơ sở đó, trong pháp luật hợp đồng hiện đại, hardship được hiểu là tình trạng phát sinh sau khi hợp đồng đã được giao kết, trong đó sự thay đổi khách quan của hoàn cảnh làm mất cân bằng nghiêm trọng quan hệ lợi ích giữa các bên, khiến việc tiếp tục thực hiện hợp đồng theo đúng nội dung ban đầu trở nên quá bất lợi cho một bên, mặc dù việc thực hiện nghĩa vụ về mặt vật chất hoặc pháp lý vẫn chưa trở nên bất khả thi (UNIDROIT, 2016; Momberg Uribe, 2011; Brunner, 2009). Nói cách khác, hardship không phải

là trường hợp nghĩa vụ không thể thực hiện, mà là trường hợp nghĩa vụ vẫn có thể thực hiện nhưng việc thực hiện đó trở nên quá nặng nề, tốn kém hoặc bất công so với sự cân bằng lợi ích mà các bên đã dự liệu tại thời điểm giao kết.

Bộ nguyên tắc UNIDROIT về hợp đồng thương mại quốc tế xem hardship là trường hợp các sự kiện xảy ra làm thay đổi căn bản sự cân bằng của hợp đồng, do chi phí thực hiện nghĩa vụ của một bên tăng lên hoặc giá trị của nghĩa vụ đối ứng giảm xuống, với điều kiện sự kiện đó xảy ra hoặc được bên bị bất lợi biết đến sau khi giao kết hợp đồng, không thể được dự liệu một cách hợp lý, nằm ngoài sự kiểm soát của bên này và rủi ro về sự kiện đó không thuộc phạm vi mà bên này phải gánh chịu (UNIDROIT, 2016). Cách tiếp cận này cho thấy, hardship là một cơ chế ngoại lệ, được thiết kế để xử lý sự mất cân bằng nghiêm trọng của hợp đồng, chứ không phải là công cụ cho phép một bên thoát khỏi nghĩa vụ chỉ vì giao dịch trở nên kém thuận lợi.

Về bản chất, hardship phản ánh nỗ lực dung hòa 2 giá trị nền tảng của pháp luật hợp đồng: tính ràng buộc của cam kết và yêu cầu công bằng trong thực hiện hợp đồng. Nếu tuyệt đối hóa *pacta sunt servanda*, pháp luật có thể buộc một bên gánh chịu thiệt hại vượt quá giới hạn hợp lý do những biến động mà họ không thể kiểm soát. Ngược lại, nếu mở rộng quá mức cơ chế hardship, tính ổn định của hợp đồng sẽ bị suy giảm, bên có nghĩa vụ có thể viện dẫn biến động hoàn cảnh như một phương thức trì hoãn hoặc né tránh cam kết. Vì vậy, điểm cốt lõi của học thuyết hardship là thiết lập một ngoại lệ hẹp, có điều kiện chặt chẽ, nhằm tái lập cân bằng hợp đồng trong những trường hợp thật sự đặc biệt (Schwenzer & Muñoz, 2019; McKendrick, 2020).

Yếu tố “phân bổ rủi ro” giữ vai trò trung tâm trong việc xác định phạm vi áp dụng hardship. Không phải mọi biến động bất lợi đều làm phát sinh quyền yêu cầu điều chỉnh hợp đồng; chỉ khi rủi ro phát sinh vượt ra ngoài phạm vi mà bên bị ảnh hưởng đã chấp nhận theo hợp đồng, theo bản chất giao dịch hoặc theo pháp luật, cơ chế điều chỉnh hợp đồng mới có cơ sở được đặt ra (UNIDROIT, 2016; Bundesministerium der Justiz, n.d.; Momberg Uribe, 2011).

Kinh nghiệm pháp luật so sánh cho thấy, hầu hết các hệ thống pháp luật hiện đại đều thừa nhận cơ chế điều chỉnh hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản, đồng thời đặt ra những điều kiện áp dụng nghiêm ngặt nhằm bảo đảm sự cân bằng giữa nguyên tắc tôn trọng hợp đồng và yêu cầu công bằng trong thực hiện hợp đồng. Trong pháp luật Đức, §313 Bộ luật Dân sự cho phép yêu cầu điều chỉnh hợp đồng khi những hoàn cảnh trở thành nền tảng của hợp đồng thay đổi nghiêm trọng sau khi hợp đồng được giao kết, nhưng chỉ khi việc tiếp tục ràng buộc một bên vào hợp đồng không thay đổi là không thể chấp nhận được, xét đến mọi hoàn cảnh của vụ việc, đặc biệt là sự phân bổ rủi ro theo hợp đồng hoặc theo pháp luật (Bundesministerium der Justiz, n.d.). Trong pháp luật Pháp, Điều 1195 Bộ luật Dân sự sau cải cách năm 2016 ghi nhận cơ chế *imprévision*, cho phép bên chịu bất lợi yêu cầu thương lượng lại khi sự thay đổi không thể lường trước làm cho việc thực hiện trở nên quá tốn kém đối với bên không chấp nhận gánh chịu rủi ro đó (République Française, 2016; Schwenzer & Muñoz, 2019). DCFR cũng tiếp cận hardship theo hướng ưu tiên thương lượng lại trước khi cơ quan tài phán quyết định điều chỉnh hoặc chấm dứt hợp đồng (Study Group on a European Civil Code & Research Group on EC Private Law, 2009).

Từ các kinh nghiệm trên, có thể rút ra 3 đặc điểm lý luận quan trọng: Thứ nhất, hardship không làm mất hiệu lực hợp đồng mà chỉ tạo ra cơ sở để đàm phán lại, điều chỉnh hoặc chấm dứt hợp đồng trong trường hợp đặc biệt. Thứ hai, hardship khác với bất khả kháng: bất khả kháng hướng tới miễn trách nhiệm khi nghĩa vụ không thể thực hiện, còn hardship hướng tới tái lập cân bằng khi nghĩa vụ vẫn có thể thực hiện

nhưng trở nên quá bất lợi (Brunner, 2009; Treitel, 2015; CISG Advisory Council, 2020). Thứ ba, cơ chế điều chỉnh hợp đồng phải được đặt trong quan hệ với thiện chí, phân bổ rủi ro và giới hạn can thiệp của cơ quan tài phán.

3. Điều 420 Bộ luật Dân sự năm 2015 và những khoảng trống pháp lý

Điều 420 Bộ luật Dân sự năm 2015 là một trong những quy định mới có ý nghĩa quan trọng trong quá trình hoàn thiện pháp luật hợp đồng Việt Nam, bởi lần đầu tiên pháp luật dân sự Việt Nam ghi nhận cơ chế xử lý hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản (Đinh Trung Tung, 2017; Nguyễn Văn Cừ & Trần Thị Huệ (chủ biên), 2017). Việc bổ sung chế định này thể hiện sự tiếp cận của pháp luật Việt Nam với xu hướng hiện đại của pháp luật hợp đồng trên thế giới, đồng thời tạo cơ sở pháp lý để xử lý những trường hợp hợp đồng vẫn có thể được thực hiện nhưng sự cân bằng lợi ích giữa các bên đã bị phá vỡ do những biến động khách quan phát sinh sau khi giao kết.

Việc ghi nhận cơ chế này không làm thay đổi nguyên tắc hợp đồng có hiệu lực phải được tôn trọng. Trong trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản, hợp đồng về nguyên tắc vẫn tiếp tục có hiệu lực và các bên vẫn chịu sự ràng buộc bởi những cam kết đã xác lập. Vấn đề đặt ra không phải là các bên có còn bị ràng buộc bởi hợp đồng hay không, mà là liệu nội dung hợp đồng ban đầu có cần được điều chỉnh để khôi phục sự cân bằng hợp lý về quyền và lợi ích giữa các bên hay không.

Theo khoản 1 Điều 420, hoàn cảnh thay đổi cơ bản được xác định khi có đủ năm điều kiện: sự thay đổi do nguyên nhân khách quan xảy ra sau khi giao kết hợp đồng; tại thời điểm giao kết, các bên không thể lường trước được sự thay đổi; hoàn cảnh thay đổi lớn đến mức nếu biết trước thì hợp đồng đã không được giao kết hoặc được giao kết với nội dung hoàn toàn khác; việc tiếp tục thực hiện hợp đồng mà không thay đổi nội dung sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho một bên; và bên bị ảnh hưởng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép nhưng không thể ngăn chặn hoặc giảm thiểu mức độ ảnh hưởng (Quốc hội, 2015). Cấu trúc này cho thấy, Điều 420 đã tiếp thu tinh thần của học thuyết hardship, nhưng mức độ nội luật hóa vẫn còn một số điểm chưa đầy đủ.

Khoảng trống thứ nhất nằm ở tiêu chí “nguyên nhân khách quan”. Điều luật chưa xác định rõ sự kiện khách quan phải có mức độ tác động như thế nào đến hợp đồng cụ thể. Trong thực tiễn, có thể phát sinh nhiều tình huống khó phân định: biến động giá nguyên vật liệu là rủi ro khách quan hay rủi ro kinh doanh thông thường; thay đổi chính sách tín dụng là sự kiện khách quan hay là rủi ro mà doanh nghiệp vay vốn phải dự liệu; đại dịch có đương nhiên là hoàn cảnh thay đổi cơ bản trong mọi loại hợp đồng hay chỉ trong những hợp đồng bị tác động trực tiếp. Nếu không có tiêu chí hướng dẫn, Điều 420 có thể bị áp dụng quá rộng hoặc quá hẹp.

Khoảng trống thứ hai liên quan đến tiêu chí “không thể lường trước” (Nguyễn Minh Hằng & Trần Thị Giang Thu, 2016; Đàm Thị Diễm Hạnh & Lê Thị Kim Oanh, 2018). Khả năng lường trước không nên được hiểu theo nghĩa tuyệt đối, bởi trong hoạt động dân sự, thương mại, hầu như mọi rủi ro đều có thể được hình dung ở một mức độ trừu tượng nào đó. Vấn đề là liệu một chủ thể hợp lý, trong hoàn cảnh cụ thể, với thông tin và năng lực chuyên môn tương ứng, có thể dự liệu được sự kiện đó và mức độ ảnh hưởng nghiêm trọng của nó hay không. Đối với chủ thể kinh doanh chuyên nghiệp, tiêu chuẩn lường trước cần nghiêm ngặt hơn so với cá nhân tiêu dùng hoặc bên yếu thế trong giao dịch.

Khoảng trống thứ ba là việc xác định mức độ “thay đổi lớn” (Nguyễn Minh Hằng & Trần Thị Giang Thu, 2016; Đàm Thị Diễm Hạnh & Lê Thị Kim Oanh, 2018). Điều 420 không đưa ra tiêu chí định lượng

hoặc định tính rõ ràng để đánh giá khi nào sự thay đổi đã chạm đến nền tảng của hợp đồng. Câu hỏi đặt ra là chi phí thực hiện tăng bao nhiêu phần trăm thì được xem là thay đổi lớn, doanh thu giảm ở mức nào thì hợp đồng được xem là mất cân bằng, hoặc giá trị nghĩa vụ đối ứng giảm như thế nào thì đủ nghiêm trọng. Dĩ nhiên, không nên quy định một ngưỡng định lượng cứng cho mọi loại hợp đồng, nhưng vẫn cần có các tiêu chí định hướng như mức tăng chi phí so với giá trị hợp đồng, mức giảm giá trị nghĩa vụ đối ứng, mục đích kinh tế của hợp đồng và phạm vi rủi ro thông thường của loại giao dịch.

Khoảng trống thứ tư là khái niệm “thiệt hại nghiêm trọng” (Nguyễn Minh Hằng & Trần Thị Giang Thu, 2016; Đàm Thị Diễm Hạnh & Lê Thị Kim Oanh, 2018). Điều luật chưa làm rõ thiệt hại nghiêm trọng là thiệt hại thực tế đã xảy ra hay có thể bao gồm thiệt hại chắc chắn sẽ xảy ra nếu tiếp tục thực hiện hợp đồng. Cũng chưa rõ thiệt hại được xác định theo giá trị tuyệt đối hay tương quan với quy mô hợp đồng, năng lực tài chính của bên bị ảnh hưởng và lợi ích hợp lý mà các bên dự kiến. Trong hợp đồng thương mại, thua lỗ hoặc giảm lợi nhuận không nên tự động được xem là thiệt hại nghiêm trọng; chỉ khi biến động vượt quá rủi ro thông thường và phá vỡ căn bản mục đích kinh tế của giao dịch thì Điều 420 mới nên được xem xét.

Khoảng trống thứ năm nằm ở điều kiện bên bị ảnh hưởng đã áp dụng “mọi biện pháp cần thiết”. Cách diễn đạt này có thể dẫn đến cách hiểu quá nghiêm khắc. Không thể yêu cầu bên bị ảnh hưởng áp dụng mọi biện pháp về mặt lý thuyết, kể cả những biện pháp bất hợp lý, quá tốn kém hoặc vượt quá năng lực của họ. Do đó, cần diễn giải điều kiện này theo tiêu chuẩn “biện pháp hợp lý trong khả năng cho phép” (UNIDROIT, 2016; CISG Advisory Council, 2020), có tính đến tính chất hợp đồng, vị thế của các bên, điều kiện thị trường và mức độ khẩn cấp của sự kiện.

Một điểm đáng chú ý khác là Điều 420 chưa ghi nhận rõ yếu tố phân bổ rủi ro, trong khi đây là tiêu chí trung tâm của pháp luật Đức, pháp luật Pháp và Bộ nguyên tắc UNIDROIT (Bundesministerium der Justiz, n.d.; République Française, 2016; UNIDROIT, 2016). Nếu hợp đồng đã có điều khoản điều chỉnh giá, điều khoản thay đổi pháp luật, điều khoản bất khả kháng hoặc điều khoản phân bổ rủi ro, Tòa án cần ưu tiên tôn trọng thỏa thuận đó. Chỉ khi hợp đồng không có quy định, quy định không rõ hoặc việc áp dụng máy móc điều khoản phân bổ rủi ro dẫn đến kết quả trái với thiện chí và công bằng, Điều 420 mới nên được vận dụng như một cơ chế bổ sung.

4. Thực tiễn áp dụng Điều 420 và các vấn đề đặt ra

Sau gần một thập niên thi hành Bộ luật Dân sự năm 2015 (có hiệu lực 01/01/2017), Điều 420 đã bước đầu tạo cơ sở pháp lý cho việc xử lý các trường hợp hợp đồng bị mất cân bằng nghiêm trọng do hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Tuy nhiên, so với ý nghĩa lý luận của chế định này, thực tiễn áp dụng tại Việt Nam còn tương đối hạn chế. Số lượng vụ việc viện dẫn trực tiếp Điều 420 chưa nhiều; lập luận của đương sự thường chưa chứng minh đầy đủ các điều kiện cấu thành; và Tòa án trong nhiều trường hợp còn thận trọng khi xem xét yêu cầu sửa đổi hợp đồng (Nguyễn Minh Hằng & Trần Thị Giang Thu, 2016; Đàm Thị Diễm Hạnh & Lê Thị Kim Oanh, 2018).

Có thể lý giải hiện tượng này từ 3 nguyên nhân chính. Thứ nhất, Điều 420 là quy định mới, chưa có tiền lệ áp dụng ổn định. Trong khi các chế định như vi phạm hợp đồng, bồi thường thiệt hại, phạt vi phạm, bất khả kháng hoặc hủy bỏ hợp đồng đã được áp dụng trong thời gian dài, hoàn cảnh thay đổi cơ bản vẫn là cơ chế tương đối mới đối với cả chủ thể giao kết hợp đồng, luật sư và thẩm phán. Thứ hai, điều kiện áp dụng Điều 420 được thiết kế chặt chẽ, đòi hỏi bên yêu cầu phải chứng minh đồng thời nhiều yếu tố. Thứ

ba, việc Tòa án sửa đổi hợp đồng theo yêu cầu của một bên là vấn đề nhạy cảm vì liên quan trực tiếp đến nguyên tắc tự do hợp đồng.

Vướng mắc thực tiễn thường gặp là sự nhầm lẫn giữa “khó khăn trong thực hiện hợp đồng” và “hoàn cảnh thay đổi cơ bản”. Trong nền kinh tế thị trường, khó khăn tài chính, giảm lợi nhuận, biến động giá cả hoặc thay đổi nhu cầu thị trường là những rủi ro thông thường mà các bên, nhất là chủ thể kinh doanh chuyên nghiệp, phải dự liệu. Điều 420 không nhằm bảo vệ một bên khỏi mọi rủi ro thương mại, mà chỉ can thiệp khi rủi ro vượt ra ngoài phạm vi thông thường và làm cho việc tiếp tục thực hiện hợp đồng theo nội dung cũ trở nên bất công nghiêm trọng.

Một vướng mắc khác là sự lẫn lộn giữa hoàn cảnh thay đổi cơ bản và bất khả kháng. Trong các tranh chấp phát sinh từ đại dịch, thiên tai hoặc quyết định hành chính làm hạn chế hoạt động kinh doanh, đương sự thường viện dẫn đồng thời cả hai chế định. Tuy nhiên, bất khả kháng trả lời câu hỏi vì sao bên có nghĩa vụ không phải chịu trách nhiệm khi không thực hiện được hợp đồng; còn hoàn cảnh thay đổi cơ bản trả lời câu hỏi có nên tiếp tục buộc một bên thực hiện hợp đồng theo nội dung cũ khi hoàn cảnh đã làm mất cân bằng nghiêm trọng quan hệ lợi ích hay không. Việc xác định sai bản chất sự kiện có thể dẫn đến lựa chọn sai hậu quả pháp lý (Brunner, 2009; Treitel, 2015).

Thực tiễn cũng đặt ra khó khăn về chứng minh. Bên yêu cầu áp dụng Điều 420 phải chứng minh sự kiện khách quan xảy ra sau khi giao kết hợp đồng, việc không thể lường trước, mức độ thay đổi căn bản, thiệt hại nghiêm trọng và nỗ lực hạn chế thiệt hại. Các chứng cứ có thể bao gồm hợp đồng, phụ lục, chứng từ tài chính, báo cáo chi phí, chứng thư thẩm định giá, dữ liệu thị trường, văn bản của cơ quan nhà nước hoặc tài liệu chứng minh tác động trực tiếp của sự kiện đến việc thực hiện hợp đồng. Tuy nhiên, pháp luật chưa có hướng dẫn rõ về tiêu chí đánh giá các loại chứng cứ này.

Cho đến nay, chưa hình thành án lệ áp dụng trực tiếp Điều 420 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, việc nhận diện khuynh hướng xét xử đối với hoàn cảnh thay đổi cơ bản chủ yếu phải dựa trên các án lệ có nội dung gần hoặc phản ánh cách tiếp cận của Tòa án đối với nguyên tắc tôn trọng hợp đồng và việc xem xét các nguyên nhân khách quan trong thực hiện nghĩa vụ. Chẳng hạn, Án lệ số 25/2018/AL về không phải chịu phạt cọc vì lý do khách quan cho thấy Tòa án đã xem xét tác động của quyết định từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi đánh giá trách nhiệm của bên nhận đặt cọc (Tòa án nhân dân tối cao, 2018). Mặc dù không áp dụng Điều 420, án lệ này cho thấy, yếu tố khách quan có thể được cân nhắc khi xác định hậu quả pháp lý của việc không thực hiện đúng cam kết.

Bên cạnh đó, các Án lệ số 11/2017/AL, 36/2020/AL và 43/2021/AL về hiệu lực hợp đồng thể chấp thể hiện khuynh hướng bảo vệ sự ổn định của giao dịch và tôn trọng hiệu lực của hợp đồng đã được xác lập hợp pháp (Tòa án nhân dân tối cao, 2017, 2020, 2021). Các án lệ này không phải là thực tiễn áp dụng chế định hardship, nhưng có giá trị tham khảo trong việc xác định giới hạn can thiệp của Tòa án vào quan hệ hợp đồng. Từ đó có thể thấy, khi áp dụng Điều 420, yêu cầu bảo đảm công bằng do hoàn cảnh thay đổi cần được cân bằng với nguyên tắc tôn trọng cam kết và bảo vệ sự tin cậy chính đáng của các bên.

Thực tiễn trên cho thấy, Điều 420 hiện vẫn chủ yếu tồn tại như một khung nguyên tắc hơn là một cơ chế vận hành đầy đủ. Việc chưa hình thành án lệ hoặc hướng dẫn xét xử thống nhất khiến các tiêu chí áp dụng Điều 420 vẫn phụ thuộc đáng kể vào nhận định của từng Hội đồng xét xử. Nếu không có hướng dẫn cụ thể, Tòa án có thể hoặc quá dè dặt, khiến Điều 420 không phát huy được chức năng bảo đảm công bằng hợp đồng; hoặc quá linh hoạt, dẫn đến nguy cơ làm suy giảm tính ràng buộc của hợp đồng. Cả hai khuynh hướng này đều không phù hợp với mục tiêu của chế định hoàn cảnh thay đổi cơ bản.

5. Định hướng hoàn thiện pháp luật

Từ những khoảng trống lý luận và vướng mắc thực tiễn đã phân tích, bài viết đề xuất hoàn thiện Điều 420 theo một cơ chế áp dụng thống nhất, gồm 3 tầng kiểm soát: xác định rủi ro có thuộc phạm vi bên bị ảnh hưởng phải gánh chịu hay không; yêu cầu các bên thương lượng lại trên nguyên tắc thiện chí; và chỉ cho phép Tòa án can thiệp khi thương lượng không đạt kết quả, với phạm vi can thiệp được giới hạn ở mức cần thiết để tái lập cân bằng hợp đồng.

Thứ nhất, cần cụ thể hóa tiêu chí xác định hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Điều 420 nên được hướng dẫn theo hướng xác định rõ các yếu tố cần xem xét, bao gồm tính khách quan của sự kiện, thời điểm phát sinh, khả năng dự liệu của chủ thể hợp lý trong cùng hoàn cảnh, mức độ tác động đến cân bằng hợp đồng, phạm vi rủi ro mà bên yêu cầu đã hoặc phải gánh chịu và mối quan hệ nhân quả giữa sự kiện với thiệt hại nghiêm trọng. Việc cụ thể hóa này không nên biến Điều 420 thành một quy định cứng nhắc, nhưng cần tạo ra khung đánh giá đủ rõ cho Tòa án và các bên (Nguyễn Minh Hằng & Trần Thị Giang Thu, 2016; Đàm Thị Diễm Hạnh & Lê Thị Kim Oanh, 2018).

Thứ hai, cần bổ sung yếu tố phân bổ rủi ro như một tiêu chí trung tâm. Có thể cân nhắc giải thích hoặc sửa đổi Điều 420 theo hướng: sự thay đổi hoàn cảnh chỉ được xem xét nếu rủi ro về sự thay đổi đó không thuộc phạm vi mà bên bị ảnh hưởng đã chấp nhận theo hợp đồng, theo bản chất giao dịch hoặc theo quy định của pháp luật. Tiêu chí này sẽ giúp ngăn ngừa việc bên có nghĩa vụ viện dẫn Điều 420 để thoái thác các rủi ro kinh doanh thông thường (Bundesministerium der Justiz, n.d.; UNIDROIT, 2016; République Française, 2016).

Thứ ba, cần làm rõ mối quan hệ giữa hoàn cảnh thay đổi cơ bản và bất khả kháng. Hướng tiếp cận hợp lý là bất khả kháng được áp dụng khi sự kiện khách quan làm cho nghĩa vụ không thể thực hiện hoặc việc không thực hiện nghĩa vụ không thể bị quy trách nhiệm; còn hoàn cảnh thay đổi cơ bản được áp dụng khi nghĩa vụ vẫn có thể thực hiện nhưng việc thực hiện theo nội dung cũ gây thiệt hại nghiêm trọng và làm mất cân bằng hợp đồng. Tiêu chí phân biệt này sẽ giúp hạn chế tình trạng đương sự viện dẫn lẫn lộn hai chế định (Brunner, 2009; Treitel, 2015; CISG Advisory Council, 2020).

Thứ tư, cần hoàn thiện quy định về nghĩa vụ thương lượng lại. Điều 420 hiện chỉ ghi nhận quyền yêu cầu đàm phán lại của bên bị ảnh hưởng, nhưng chưa xác định rõ nghĩa vụ tương ứng của bên còn lại. Pháp luật nên thừa nhận nghĩa vụ thương lượng lại như một nghĩa vụ thiện chí, tức là nghĩa vụ về hành vi chứ không phải nghĩa vụ về kết quả. Bên còn lại phải tiếp nhận, xem xét và phản hồi yêu cầu trong thời hạn hợp lý, nhưng không bị buộc phải chấp nhận mọi đề xuất sửa đổi nếu đề xuất đó không hợp lý hoặc chuyển toàn bộ rủi ro sang họ (UNIDROIT, 2016; Schwenzer & Muñoz, 2019; Lando & Beale, 2000).

Thứ năm, cần giới hạn rõ quyền sửa đổi hợp đồng của Tòa án. Quyền sửa đổi hợp đồng của Tòa án cần được giới hạn trong phạm vi cần thiết để khôi phục sự cân bằng hợp lý bị phá vỡ do hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Tòa án không nên thiết kế lại toàn bộ hợp đồng, không tái phân bổ mọi rủi ro thương mại và không bảo đảm cho một bên tránh khỏi mọi thiệt hại phát sinh từ hoạt động kinh doanh. Cách tiếp cận này phù hợp với tinh thần của Bộ nguyên tắc UNIDROIT, DCFR và pháp luật Pháp, vốn đều đặt sự can thiệp của cơ quan tài phán sau nỗ lực thương lượng lại của các bên (UNIDROIT, 2016; Study Group on a European Civil Code & Research Group on EC Private Law, 2009; République Française, 2016).

Thứ sáu, cần phát triển án lệ hoặc ban hành hướng dẫn xét xử về Điều 420. Vì hoàn cảnh thay đổi cơ bản là chế định có tính mở và phụ thuộc nhiều vào hoàn cảnh cụ thể của vụ việc, việc hoàn thiện pháp luật không chỉ bằng sửa đổi văn bản quy phạm, mà còn cần thông qua thực tiễn xét xử. Tòa án nhân dân tối

cao có thể lựa chọn các vụ việc điển hình liên quan đến đại dịch, biến động giá nguyên vật liệu, thay đổi pháp luật, hợp đồng thuê dài hạn, hợp đồng xây dựng hoặc hợp đồng tín dụng để phát triển án lệ hoặc ban hành hướng dẫn nghiệp vụ.

Thứ bảy, cần khuyến khích các bên chủ động thiết kế điều khoản hardship trong hợp đồng. Pháp luật chỉ nên đóng vai trò cơ chế bổ sung khi hợp đồng không có quy định hoặc quy định không đầy đủ. Trong các hợp đồng dài hạn hoặc có giá trị lớn, các bên nên thỏa thuận trước về sự kiện được xem là hoàn cảnh thay đổi cơ bản, ngưỡng biến động giá hoặc chi phí, nghĩa vụ thông báo, thời hạn thương lượng, phương pháp điều chỉnh giá hoặc nghĩa vụ, cơ chế chuyên gia độc lập và cơ quan giải quyết tranh chấp. Cách làm này giúp giảm phụ thuộc vào sự can thiệp của Tòa án và tăng tính dự đoán của hợp đồng (Brunner, 2009; UNIDROIT, 2016; Schwenzer & Muñoz, 2019).

6. Kết luận

Điều 420 Bộ luật Dân sự năm 2015 là bước tiến quan trọng trong quá trình hiện đại hóa pháp luật hợp đồng Việt Nam. Quy định này cho thấy, pháp luật Việt Nam đã bước đầu tiếp cận học thuyết hardship, thừa nhận trong những hoàn cảnh đặc biệt, việc duy trì hợp đồng theo nội dung ban đầu có thể dẫn đến kết quả bất công nghiêm trọng. Tuy nhiên, Điều 420 không phải là cơ chế cho phép một bên thoát khỏi nghĩa vụ khi giao dịch trở nên bất lợi, mà là một ngoại lệ chặt chẽ nhằm bảo vệ cân bằng hợp đồng trong trường hợp sự thay đổi khách quan vượt ra ngoài phạm vi rủi ro mà bên bị ảnh hưởng phải gánh chịu.

Qua phân tích, có thể thấy quy định hiện hành vẫn còn nhiều khoảng trống: tiêu chí xác định hoàn cảnh thay đổi cơ bản chưa rõ; yếu tố phân bổ rủi ro chưa được ghi nhận trực tiếp; nghĩa vụ thương lượng lại chưa được thiết kế đầy đủ; ranh giới với bất khả kháng còn dễ nhầm lẫn; và quyền sửa đổi hợp đồng của Tòa án chưa có giới hạn cụ thể. Những khoảng trống này làm giảm tính dự đoán của pháp luật và khiến Điều 420 khó vận hành hiệu quả trong thực tiễn.

Để Điều 420 phát huy đúng chức năng, pháp luật Việt Nam cần được hoàn thiện theo hướng cụ thể hóa điều kiện áp dụng, bổ sung tiêu chí phân bổ rủi ro, làm rõ nghĩa vụ thiện chí trong thương lượng lại, phân biệt rõ với bất khả kháng và giới hạn quyền can thiệp của Tòa án. Sự hoàn thiện này không nhằm làm suy yếu nguyên tắc pacta sunt servanda, mà nhằm bảo đảm rằng nguyên tắc ấy được vận hành trong một trật tự hợp đồng công bằng, hợp lý và có khả năng thích ứng trước những biến động khách quan của đời sống kinh tế - xã hội (UNIDROIT, 2016; Schwenzer & Muñoz, 2019).

Đóng góp chủ yếu của bài viết là đề xuất xem xét Điều 420 như một quy trình điều chỉnh hợp đồng có thứ tự, thay vì chỉ là tập hợp các điều kiện pháp lý độc lập. Theo đó, phân bổ rủi ro là tiêu chí sàng lọc ban đầu; thương lượng lại thiện chí là bước xử lý ưu tiên; còn quyền sửa đổi hợp đồng của Tòa án là giải pháp sau cùng và phải chịu những giới hạn chặt chẽ. Cách tiếp cận này góp phần tăng tính dự đoán trong áp dụng pháp luật, đồng thời hạn chế cả hai nguy cơ: lạm dụng Điều 420 để né tránh nghĩa vụ và quá dè dặt khiến cơ chế này không phát huy được chức năng bảo đảm công bằng hợp đồng ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Đàm Thị Diễm Hạnh, & Lê Thị Kim Oanh. (2018). Một số bình luận về Điều 420 Bộ luật Dân sự năm 2015: Thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, 7/2018.

Đình Trung Tụng. (2017). Những điểm mới cơ bản của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nxb. Lao động.

- Đỗ Văn Đại. (2017). Luật hợp đồng Việt Nam: Bản án và bình luận bản án (Tập 2). Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Lê Minh Hùng. (2015). Hiệu lực của hợp đồng theo quy định của pháp luật Việt Nam. Nxb. Hồng Đức.
- Nguyễn Minh Hằng, & Trần Thị Giang Thu. (2016). Đề xuất diễn giải và áp dụng Điều 420 BLDS 2015 về thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản. Tạp chí Kinh tế Đối ngoại, 86.
- Nguyễn Văn Cừ (Chủ biên), Trần Thị Huệ (Đồng chủ biên). (2017). Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự năm 2015. Nxb. Công an nhân dân.
- Quốc hội. (2015). Bộ luật số 91/2015/QH13: Bộ luật Dân sự, ban hành ngày 24/11/2015.
- Tòa án nhân dân tối cao. (2017). Án lệ số 11/2017/AL về công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà trên đất có tài sản không thuộc sở hữu của bên thế chấp.
- Tòa án nhân dân tối cao. (2020). Án lệ số 36/2020/AL về hiệu lực của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị thu hồi, hủy bỏ.
- Tòa án nhân dân tối cao. (2021). Án lệ số 43/2021/AL về hiệu lực hợp đồng thế chấp trong trường hợp tài sản thế chấp là nhà đất do bên thế chấp nhận chuyển nhượng từ người khác nhưng chưa thanh toán đủ tiền cho bên bán.
- Tòa án nhân dân tối cao. (2018). Án lệ số 25/2018/AL về không phải chịu phạt cọc vì lý do khách quan.
- Brunner, C. (2009). Force majeure and hardship under general contract principles: Exemption for non-performance in international arbitration. Kluwer Law International.
- Bundesministerium der Justiz. (n.d.). Bürgerliches Gesetzbuch, §313: Störung der Geschäftsgrundlage.
- CISG Advisory Council. (2020). Opinion No. 20: Hardship under the CISG.
- Lando, O., & Beale, H. (Eds.). (2000). Principles of European Contract Law: Parts I and II. Kluwer Law International.
- McKendrick, E. (2020). Contract law: Text, cases, and materials (9th ed.). Oxford University Press.
- Momberg Uribe, R. (2011). Change of circumstances in international instruments of contract law: The approach of the CISG, PICC, PECL and DCFR. Vindobona Journal of International Commercial Law and Arbitration, 15, 233–266.
- République Française. (2016). Code civil, Article 1195: Imprévision.
- Schwenzer, I., & Muñoz, E. (2019). Duty to renegotiate and contract adaptation in case of hardship. Uniform Law Review, 24(1), 149–174.
- Study Group on a European Civil Code, & Research Group on EC Private Law. (2009). Principles, definitions and model rules of European private law: Draft Common Frame of Reference (DCFR), Outline Edition. Sellier.
- Treitel, G. H. (2015). Frustration and force majeure (3rd ed.). Sweet & Maxwell.
- UNIDROIT. (2016). UNIDROIT Principles of International Commercial Contracts 2016.
- Zimmermann, R. (1996). The law of obligations: Roman foundations of the civilian tradition. Oxford University Press.